



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 29

Ngày 15 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 495/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh (đợt 23)	4
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 496/NQ-HĐND thông qua chủ trương giao UBND tỉnh Hòa Bình là cơ quan chủ quản thực hiện hợp phần 1 dự án Đầu tư xây dựng cầu từ ĐT.433 thuộc xóm Ấm, xã Nánh Nghê, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình nối với ĐT.114, thuộc bản Khoáng, xã Mường Bang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	8
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 497/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh	9
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 498/NQ-HĐND về việc phân bổ kinh phí của tỉnh Đồng Nai hỗ trợ tỉnh Sơn La xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025	17
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 499/NQ-HĐND về việc phân bổ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ	19
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 500/NQ-HĐND về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2024, 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	23

30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 501/NQ-HĐND về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh	26
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 502/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	29
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 503/NQ-HĐND về việc thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Sơn La	32
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 504/NQ-HĐND về việc thông qua Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La	47
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 505/NQ-HĐND điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thông tin khác của các dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất	55
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 506/NQ-HĐND thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	57
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 507/NQ-HĐND điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất	60
30/05/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 508/NQ-HĐND bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh	63

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 495/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh (đợt 23)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 251/TTr-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 266/BC-UBND ngày 27 tháng 05 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 05 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh (đợt 23). Cụ thể:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn vay lại nguồn Chính phủ vay nước ngoài theo điểm 2, khoản III, mục E Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh cho các dự án ODA đã được ký kết Hợp đồng vay, số tiền 8.000 triệu đồng.

2. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn vốn đã được bổ sung tại Khoản 1 Điều này, gồm: Phân bổ 4.000 triệu đồng cho dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Để lại phân bổ chi tiết sau: 4.000 triệu đồng.

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bội chi ngân sách địa phương:

3.1. Tổng vốn điều chỉnh: 8.000 triệu đồng.

3.2. Phương án điều chỉnh: Điều chỉnh giảm 8.000 triệu đồng kế hoạch vốn của 01 dự án đã được bố trí bằng nguồn vốn khác; Số vốn sau điều chỉnh giảm 8.000 triệu đồng để lại phân bổ chi tiết sau khi thực hiện được khoản vay.

(chi tiết tại Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN
2021 – 2025 TỪ NGUỒN VAY LẠI NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Nghị quyết số 495/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vay lại		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú	
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số			TB: Nguồn vốn vay để trả nợ gốc năm 2025
				Tổng số <i>(tất cả các nguồn vốn)</i>	Trong đó: Nguồn vay lại				
	TỔNG SỐ			922.445	54.783	49.701	4.000	8.000	
I	Phân bổ chi tiết đợt này			922.445	4.783	49.701	4.000	4.000	
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La	Ban Quản lý các dự án ODA	1214-11/6/2015; 2895 27/11/2019	922.445	54.783	49.701	4.000	4.000	
II	Chưa phân bổ chi tiết							4.000	

Biểu số 02

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN
2021 - 2025 NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 495/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Phương án điều chỉnh					Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bội chi ngân sách địa phương		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bội chi ngân sách địa phương sau điều chỉnh	
				Tổng số <i>(tất cả các nguồn vốn)</i>	Trong đó: Nguồn vay lại	Tổng số	TĐ: Kế hoạch đã phân bổ đến thời điểm báo cáo				
	TỔNG SỐ			922.445	54.783	149.111	45.701	8.000	8.000	149.111	
I	Điều chỉnh giảm			922.445	54.783	54.783	45.701	8.000	0	46.783	
*	Cấp nước, thoát nước			922.445	54.783	54.783	45.701	8.000	-	46.783	
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La	Ban Quản lý các dự án ODA	1214 11/6/2015; 2895 27/11/2019	922.445	54.783	54.783	45.701	8.000		46.783	
II	Điều chỉnh tăng			0	0	94.328	0	0	8.000	102.328	
*	Chưa phân bổ chi tiết					94.328			8.000	102.328	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 496/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông qua chủ trương giao UBND tỉnh Hòa Bình là cơ quan chủ quản thực hiện hợp phần 1 dự án Đầu tư xây dựng cầu từ ĐT.433 thuộc xóm Ấm, xã Nánh Nghê, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình nối với ĐT.114, thuộc bản Khoáng, xã Mường Bang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 20 tháng 05 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 05 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chủ trương giao UBND tỉnh Hòa Bình là cơ quan chủ quản thực hiện hợp phần 1 dự án Đầu tư xây dựng cầu từ ĐT.433 thuộc xóm Ấm, xã Nánh Nghê, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình nối với ĐT.114, thuộc bản Khoáng, xã Mường Bang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh Sơn La phối hợp với UBND tỉnh Hòa Bình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 497/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch
đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 266/BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 và số 275/BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh. Cụ thể:

1. Bổ sung, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn vốn vay lại, như sau:

1.1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn vay lại nguồn Chính phủ vay nước ngoài theo điểm 2, khoản III, mục E Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh cho các dự án ODA đã được ký kết Hợp đồng vay, số tiền 8.000 triệu đồng.

1.2. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn vốn đã được bổ sung tại điểm 1.1, Khoản 1 Điều này, gồm: Phân bổ 4.000 triệu đồng cho dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La; Để lại phân bổ chi tiết sau: 4.000 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh

2.1. Tổng vốn điều chỉnh: 18.400 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 18.000 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 400 triệu đồng.

2.2. Phương án điều chỉnh

a) Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

Điều chỉnh giảm 18.000 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án không có khả năng thực hiện hết kế hoạch vốn giao; để phân bổ cho 02 dự án đang triển khai thực hiện có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ.

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất

Điều chỉnh giảm 400 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 01 dự án; để phân bổ cho 01 dự án đang triển khai thực hiện có nhu cầu bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành.

(chi tiết tại Biểu số 02, 03 kèm theo)

3. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

3.1. Tổng vốn phân bổ: 30.500 triệu đồng.

3.2. Phương án phân bổ: Phân bổ 30.500 triệu đồng thực hiện 07 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh.

(chi tiết tại Biểu 04 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 TỪ NGUỒN VAY LẠI NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Nghị quyết số 497/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025 từ nguồn vay lại để trả nợ gốc năm 2025		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 15/5/2025		
	TỔNG SỐ			922.445	68.594	4.000	4.000	
I	Phân bổ chi tiết đợt này			922.445	68.594	4.000	4.000	
*	Cấp nước, thoát nước			922.445	68.594	4.000	4.000	
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sơn La	Ban Quản lý các dự án ODA	1214 11/6/2015; 2895 27/11/2019	922.445	68.594	4.000	4.000	
II	Phân bổ chi tiết sau						4.000	
							4.000	

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 497/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2025 đã giao				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/5/2025		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Tổng số	TĐ: NST				Tổng số	Tỷ lệ						
	TỔNG SỐ			835.242	406.090	665.952	602.485	66.734	5.171	8%	61.563	18.000	18.000			
I	Điều chỉnh giảm			420.000	160.000	420.000	348.533	66.734	5.171	0	61.563	18.000		48.734		
*	Công nghiệp, điện			420.000	160.000	420.000	348.533	66.734	5.171	8%	61.563	18.000		48.734		
1	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Sơn La	Sở Công thương		420.000	160.000	420.000	348.533	66.734	5.171	8%	61.563	18.000		48.734		
II	Điều chỉnh tăng			415.242	246.090	245.952	253.952						18.000	18.000		
*	Giao thông			415.242	246.090	245.952	253.952						18.000	18.000		
1	Dự án tuyến đường từ Quảng trường - Trung tâm xã Hua La, thành phố Sơn La	UBND thành phố	257 07/12/2023	232.000	92.000	200.000	208.000						8.000	8.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2025 đã giao				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn giao	Giải ngân thanh toán đến ngày 15/5/2025		Kế hoạch vốn còn lại	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Tổng số	TĐ: NST					Tổng số				Tỷ lệ	
2	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) xã Chiềng Khay (bản Mùn), huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2667 09/12/2023	183.242	154.090	45.952	45.952					10.000	10.000		

Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 497/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng											
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2025 đã giao			Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: NST			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân toán đến ngày 15/5/2025	Kế hoạch vốn còn lại	
				Tổng số					Tổng số	Tỷ lệ	
	TỔNG SỐ			254.370	154.370	210.904	211.677	400		400	400
I	Điều chỉnh giảm			4.000	4.000	400		400		400	
*	Y tế, dân số và gia đình			4.000	4.000	400		400		400	
1	Trạm Y tế xã Co Mạ	UBND huyện Thuận Châu	1659 12/7/2021; 521 06/3/2025	4.000	4.000	400		400		400	
II	Điều chỉnh tăng			250.370	150.370	210.504	211.677				400
*	Khu công nghiệp, khu kinh tế			250.370	150.370	210.504	211.677				400
1	Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)	Ban Quản lý các khu công nghiệp	1962 10/8/2018	250.370	150.370	210.504	211.677				400

Biểu số 04

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 497/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số hoạch đã giao đến hết ngày 15/5/2025		
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh			
	TỔNG SỐ			1.429.881	862.814	660.712	171.039	30.500
I	Giao thông			1.090.979	623.912	497.162	102.113	18.427
1	Dự án Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	2841 19/11/2021	500.000	172.933	172.933	13.180	6.970
2	Dự án Đường nội thị, Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên	280 23/02/2023; 435 14/3/2024	198.979	198.979	170.229	30.740	5.017
3	Dự án Tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La	UBND thành phố	1051- 30/5/2021	160.000	160.000	130.000	58.193	5.000
4	Dự án tuyến đường từ Quảng trường - Trung tâm xã Hua La, thành phố Sơn La	UBND thành phố	257- 07/12/2023	232.000	92.000	24.000		1.440
II	Khu công nghiệp, khu kinh tế			250.370	150.370	75.000	35.668	373
1	Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)	Ban Quản lý các khu công nghiệp	1962 10/8/2018	250.370	150.370	75.000	35.668	373

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết ngày 15/5/2025		
				Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh				
III	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			79.782	79.782	79.800	27.551	9.000	
1	Dự án Thoát lũ khu vực Chiềng sinh về trung tâm thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2647 29/10/2021	79.782	79.782	79.800	27.551	9.000	
IV	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp			8.750	8.750	8.750	5.707	2.700	
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho Trường Chính trị tỉnh Sơn La đạt chuẩn giai đoạn 2021 – 2025 - Công trình Nhà thi đấu đa năng 1 tầng	Trường chính trị	1264 12/7/2023	8.750	8.750	8.750	5.707	2.700	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 498/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kinh phí của tỉnh Đồng Nai hỗ trợ tỉnh Sơn La
xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 523/TB-VPCP ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo Trung ương triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

Xét Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 1028/BC-VHXH ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí hỗ trợ của tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ huyện Mường La xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025, số tiền 6.930 triệu đồng (Sáu tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Nguồn kinh phí: Thu khác ngân sách tỉnh năm 2025 (nguồn kinh phí hỗ trợ của UBND tỉnh Đồng Nai tại Công văn số 2714/UBND-KTNS ngày 19 tháng 3 năm 2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 499/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ chi trả chế độ,
chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số
67/2025/NĐ-CP của Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các địa phương để thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1067/BC-PC ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ tại Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, số tiền 46.998.000.000 đồng, trong đó:

1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, số tiền 41.707.571.000 đồng (*Bốn mươi một tỷ, bảy trăm linh bảy triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng chẵn*).

2. Giao bổ sung nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh số tiền 5.290.429.000 đồng, để xử lý các khoản phát sinh theo chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ trong năm.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết, quyết định phân bổ chi tiết đảm bảo kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực HĐND và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
CHI TRẢ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP
VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị quyết số 499/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Đơn vị	Số tiền (Đồng)	Số lượng người được hưởng chế độ, chính sách	Trong đó:		Quyết định phê duyệt danh sách
				Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc	
	Tổng cộng:	46.998.000.000	39	34	5	
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8.162.856.000	11	11		719/QĐ-UBND ngày 31/3/2025; 1009/QĐ-UBND ngày 29/4/2025
2	Sở Khoa học và Công nghệ	2.652.248.000	2	2		719/QĐ-UBND ngày 31/3/2025
3	Sở Tư pháp	1.806.509.000	1	1		721/QĐ-UBND ngày 31/3/2025
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	5.192.000	1	1		374/QĐ-UBND ngày 20/2/2025; 1016/QĐ-UBND ngày 30/4/2025
5	Sở Y tế	12.806.193.000	10	7	3	719/QĐ-UBND ngày 31/3/2025; 1009/QĐ-UBND ngày 29/4/2025; 1118/QĐ-UBND ngày 14/5/2025
6	Sở Xây dựng	11.151.629.000	9	7	2	719/QĐ-UBND ngày 31/3/2025; 1009/QĐ-UBND ngày 29/4/2025
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.547.736.000	3	3		719/QĐ-UBND ngày 31/3/2025
8	Trung tâm Xúc tiến đầu tư	1.292.850.000	1	1		721/QĐ-UBND

STT	Đơn vị	Số tiền (Đồng)	Số lượng người được hưởng chế độ, chính sách	Trong đó:		Quyết định phê duyệt danh sách
				Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc	
	thương mại du lịch					ngày 31/3/2025
9	Hội bảo trợ	282.358.000	1	1		1009/QĐ-UBND ngày 29/4/2025
10	Bổ sung nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh	5.290.429.000				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 500/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi thường xuyên
ngân sách Trung ương năm 2024, 2025 thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 8, quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về phê chuẩn phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách cho huyện, thành phố năm 2024; Nghị quyết số 426/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về phê chuẩn phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung cân đối ngân sách cho huyện, thành phố năm 2025.

*Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 830/BC-DT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Dân tộc
HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt phương án điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2024, 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, đã được phê duyệt tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 426/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024, số tiền **8.751.687.806 đồng**. Cụ thể:

- Năm 2024: 88.687.806 đồng.

- Năm 2025: 8.663.000.000 đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục

PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024, 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 500/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các cơ quan, đơn vị, huyện	Dự toán được sử dụng	Trong đó				Dự toán điều chỉnh tăng	Trong đó				Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó			
			Nội dung thành phần số 02 - Nội dung 9	Nội dung thành phần số 03 - Nội dung 4	Nội dung thành phần số 07 - Nội dung 5	Nội dung thành phần số 10 - Nội dung 01		Nội dung thành phần số 02 - Nội dung 9	Nội dung thành phần số 03 - Nội dung 4	Nội dung thành phần số 07 - Nội dung 5	Nội dung thành phần số 10 - Nội dung 01		Nội dung thành phần số 02 - Nội dung 9	Nội dung thành phần số 03 - Nội dung 4	Nội dung thành phần số 07 - Nội dung 5	Nội dung thành phần số 10 - Nội dung 01
		8.751,687806	8.751,687806	-	-	-	8.751,867806	8.751,687806	4.950,18	1.449,787806	1.101,9	8.751,687806	4.950,00	1.250	1.449,787806	1.101,9
	Năm 2024 ⁱ	88,687806	88,687806	-	-	-	88,687806	88,687806	88,687806	-	-	88,687806	88,687806	-	-	-
	Năm 2025 ⁱⁱ	8.663,000000	8.663,000000	-	-	-	8.663,000000	8.663,000000	4.861,312194	1.250	1.101,9	8.663	4.861,312194	1.250	1.449,787806	1.101,9
	Sở Khoa học và Công nghệ	8.751,687806	8.751,687806	-	-	-	-	8.751,687806	-	-	-	-	-	-	-	-
	Năm 2024	88,687806	88,687806	-	-	-	-	88,687806	-	-	-	-	-	-	-	-
	Năm 2025	8.663	8.663	-	-	-	-	8.663,000000	-	-	-	-	-	-	-	-
	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	-	-	-	-	-	4.950,18	-	4.950,18	-	-	4.950,0	4.950,00	-	-	-
	Năm 2024	-	-	-	-	-	88,687806	-	88,687806	-	-	88,687806	88,687806	-	-	-
	Năm 2025	-	-	-	-	-	4.861,312194	-	4.861,312194	-	-	4.861,31	4.861,31	-	-	-
	Công an tỉnh	-	-	-	-	-	1.101,9	-	-	-	1.101,9	1.101,9	-	-	-	1.101,9
	Năm 2025	-	-	-	-	-	1.101,9	-	-	-	1.101,9	1.101,90	-	-	-	1.101,9
	Liên minh hợp tác xã	-	-	-	-	-	1.250	-	-	-	-	1.250	-	1.250	-	-
	Năm 2025	-	-	-	-	-	1.250	-	-	-	-	1.250,00	-	1.250	-	-
	Huyện Thuận Châu	-	-	-	-	-	1.449,787806	-	-	-	-	1.449,787806	-	-	1.449,787806	-
	Năm 2025	-	-	-	-	-	1.449,787806	-	-	-	-	1.449,79	-	-	1.449,787806	-

Ghi chú:

(i) Nghị quyết số 260/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; Sở Tài chính thực hiện chuyển nguồn sang năm 2025, tại Công văn số 561/STC-QLNS ngày 14/02/2025;

(ii) Nghị quyết số 426/NQ-HĐND ngày 10/12/2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 501/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025 của các Bộ, cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

*Xét Tờ trình số 243/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 830/BC-DT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Dân tộc
HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, số tiền 312.604 triệu đồng. Cụ thể:

1. Các đơn vị cấp tỉnh: 78.920 triệu đồng.
2. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện: 233.684 triệu đồng.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục

PHÊ DUYỆT PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 501/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng	Dự án 1	Trong đó		Dự án 3	Trong đó		Dự án 4 - Tiêu dự án 1	Dự án 5	Trong đó		Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9 - Tiêu dự án 2	Dự án 10	Trong đó		Ghi chú
				chuyên đổi nghề	NSH phần tán		Tiêu dự án 1	Tiêu Dự án 2 - Nội dung 1			Tiêu dự án 1	Tiêu Dự án 3						Tiêu Dự án 1	Tiêu Dự án 3	
	Tổng cộng	567.067	6.335	2.000	4.335	86.456	7.570	78.886	127.114	63.327	58.397	4.930	7.453	2.110	5.953	2.898	10.958	10.527	431	
A	Vốn phân bổ chi tiết	312.604	6.335	2.000	4.335	86.456	7.570	78.886	127.114	63.327	58.397	4.930	7.453	2.110	5.953	2.898	10.958	10.527	431	
I	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ¹	78.920	-	-	-	1.136	1.136	-	-	61.453	56.523	4.930	5.157	2.110	1.453	303	7.308	7.258	50	
II	Huyện, thành phố	233.684	6.335	2.000	4.335	85.320	6.434	78.886	127.114	1.874	1.874	0	2.296	0	4.500	2.595	3.650	3.269	381	
1	Thành phố Sơn La	257	60		60	0				0						75	122	122		
2	Huyện Thuận Châu	28.550	3.500	2.000	1.500	11.450		11.450	10.000	0					3.600		0			
3	Huyện Mai Sơn	12.850	1.000		1.000	0			10.000	800	800		1.050				0			
4	Huyện Yên Châu	27.517	0			9.117		9.117	17.200	0						700	500	500		
5	Huyện Phù Yên	36.630	0			3.360	3.360		30.000	0			370			950	1.950	1.950		
6	Huyện Bắc Yên	36.246	674		674	14.846	3.074	11.772	18.250	0			876		900	300	400	100	300	
7	Huyện Mường La	95	0			0				0						95	0			
8	Huyện Sông Mã	6.328	1.101		1.101	0			3.000	1.074	1.074					475	678	597	81	
9	Huyện Sốp Cộp	49.511	0			46.547		46.547	2.964	0							0			
10	Huyện Vân Hồ	35.700	0			0			35.700	0							0			
B	Vốn chưa phân bổ	254.463																		

(1) Giao UBND tỉnh giao dự toán chi tiết cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện, đảm bảo theo quy định.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 502/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 170/NQ-

HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương tại các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022, Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Xét Tờ trình số 259/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 830/BC-DT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới như sau:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao: 642.140 triệu đồng (tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022, Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh).

- Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm: 5.970 triệu đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh: 636.170 triệu đồng.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ biểu
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 502/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao			Kế hoạch vốn trung hạn điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Tổng số	Giao tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29/6/2022	Giao tại Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 18/4/2023			
	TỔNG SỐ	642.140	592.860	49.280	5.970	636.170	
I	Ngân sách cấp tỉnh	15.000		15.000	140	14.860	
II	Ngân sách cấp huyện	627.140	592.860	34.280	5.830	621.310	
1	Huyện Bắc Yên	29.683	29.082	601	276	29.407	
2	Huyện Mai Sơn	95.482	89.769	5.713	948	94.534	
3	Huyện Mộc Châu	79.783	74.370	5.413	802	78.981	
4	Huyện Phù Yên	77.592	73.081	4.511	721	76.871	
5	Huyện Quỳnh Nhai	97.674	89.555	8.119	948	96.726	
6	Huyện Mường La	31.648	30.746	902	295	31.353	
7	Huyện Sông Mã	35.135	34.233	902	165	34.970	
8	Huyện Sốp Cộp	17.663	17.062	6 01	164	17.499	
9	Huyện Thuận Châu	82.248	78.339	3.909	764	81.484	
10	Huyện Yên Châu	31.895	30.692	1.203	297	31.598	
11	Huyện Vân Hồ	29.931	29.029	902	279	29.652	
12	Thành phố	18.406	16.902	1.504	171	18.235	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 503/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Sơn La (bao gồm quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01
NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY CHẾ
QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 503/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu

- Quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị thành phố Sơn La phù hợp với đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022, các đồ án quy hoạch phân khu của thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, gồm: Phân khu đô thị lịch sử; Phân khu đô thị Chiềng Sinh; Phân khu đô thị Chiềng Ngần; Phân khu đô thị sinh thái Hua La; Phân khu đô thị Chiềng Sinh - Nà Sản và các đồ án quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị theo định hướng phát triển kiến trúc, bảo vệ cảnh quan, bản sắc văn hoá trên phạm vi lập quy chế.

- Quy chế quản lý kiến trúc là cơ sở để có thể nhanh chóng xác lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế đô thị đối với khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị được duyệt.

- Phục vụ công tác quản lý và cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trong đô thị.

- Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

2.1. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiến trúc và xây dựng công trình kiến trúc tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2.2. Phạm vi áp dụng

- Theo phạm vi, ranh giới lõi đô thị trung tâm được xác định tại Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đến năm 2045 đã được UBND tỉnh phê duyệt và áp dụng đối với toàn bộ đô thị thành phố Sơn La sau sát nhập đơn vị hành chính cấp xã.

- Đối với khu vực, dự án, công trình đã có quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng, thiết kế đô thị và phương án kiến trúc công trình đã được phê duyệt mà có quy định khác hoặc cụ thể hơn về kiến trúc so với Quy chế này thì được áp dụng theo các nội dung đã được phê duyệt, chấp thuận.

3. Nguyên tắc chung quản lý kiến trúc

- Thiết kế kiến trúc phải tuân thủ Luật Kiến trúc, phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu thành phố Sơn La, các quy định về bảo tồn, về môi trường và phòng chống cháy nổ, quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật, bản quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Phù hợp với định hướng quy hoạch đô thị thành phố Sơn La; đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới; xây dựng nền kiến trúc tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý kiến trúc phù hợp với thực tiễn tại thành phố Sơn La bảo đảm hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Việc xây dựng công trình phải được quản lý chặt chẽ, đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan, bảo đảm chức năng hoạt động hiệu quả, mỹ quan, an toàn, hài hòa với tổng thể đô thị.

- Thiết kế kiến trúc cần đảm bảo giá trị kiến trúc của công trình.

- Quản lý, bảo vệ tốt cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, các công trình có giá trị về kiến trúc, văn hóa, môi trường sinh thái.

- Không gian kiến trúc, cảnh quan thành phố Sơn La được phát triển theo nguyên tắc “*bảo vệ tầm nhìn*” và đảm bảo “*tính liên tục*” của cảnh quan trong đô thị. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan dựa trên việc thiết lập và kết nối ba cấp độ, từ không gian tổng thể, không gian khu vực đến những không gian nhỏ, tạo thành hệ thống không gian đô thị có bản sắc.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

4. Công trình phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc

Thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng nhằm chọn được phương án thiết kế tốt nhất, đáp ứng tối đa các yêu cầu về thẩm mỹ, quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, công năng sử dụng, thể hiện được ý nghĩa, tính chất của công trình xây dựng, đồng thời có tính khả thi cao. Các khu vực, vị trí hoặc công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc tại thành phố Sơn La, như sau:

- Công trình công cộng có quy mô cấp đặc biệt, cấp I; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên;

- Công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của đô thị;

- Công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị:

+ Công trình là điểm nhấn trong khu vực cửa ngõ đô thị;

+ Công trình được xây dựng tại vị trí có ảnh hưởng trực tiếp đến diện mạo cảnh quan kiến trúc của đô thị thành phố Sơn La;

+ Các công trình quan trọng khác.

5. Định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan đô thị

5.1. Định hướng chung

- Kiến trúc các công trình cần tuân thủ định hướng phát triển không gian đô thị trong Quy hoạch chung thành phố Sơn La, có sự đầu tư tương xứng về thiết kế và xây dựng, để trở thành các tài sản đô thị có giá trị lâu dài. Xây dựng kiến trúc đô thị hiện đại, năng động kết hợp với việc gìn giữ, kế thừa các công trình kiến trúc lịch sử, lưu giữ được dấu ấn các giai đoạn hình thành và phát triển của đô thị.

- Không gian đô thị được tạo dựng dựa trên địa hình, cảnh quan tự nhiên là chủ thể, hạn chế san lấp, lấy môi trường tự nhiên làm trung tâm, tôn trọng hệ sinh thái và sinh học.

- Ưu tiên tạo lập cảnh quan phục vụ công cộng, đảm bảo kang trang, đồng bộ, hiện đại và thân thiện với môi trường.

- Quản lý chiều cao công trình theo quy hoạch, tuân thủ nguyên tắc sau: điểm nhấn đô thị; chiều cao công trình theo nguyên tắc cao tầng tại các trung tâm đô thị, thấp dần ra bên ngoài.

- Xây dựng các không gian mở, không gian sinh hoạt cộng đồng có giá trị về mặt thẩm mỹ và công năng, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

5.2. Định hướng cụ thể

a) Về không gian cảnh quan đô thị

- Các vị trí điểm nhấn về cảnh quan đô thị:

+ Khu Trụ sở Tỉnh ủy Sơn La;

+ Khu vực Quảng trường Tây Bắc, Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Bắc và khu trung tâm hành chính tập trung tỉnh;

+ Khu trụ sở HĐND-UBND thành phố;

+ Tổ hợp thương mại dịch vụ Vincom Plaza tại đường Trường Chinh;

+ Khu Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh;

+ Khách sạn Mường Thanh;

+ Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La;

+ Các khu đô thị, khu dân cư mới dọc suối Nậm La;

+ Khu trung tâm thể dục - thể thao tỉnh tại phường Chiềng Sinh;

+ Khu vực công nghiệp - đô thị - dịch vụ giáp Cảng hàng không Nà Sản;

+ Cảng hàng không Nà Sản;

+ Các khu vực cửa ngõ đô thị.

- Không gian mở, tầm nhìn đến các khu vực cảnh quan tự nhiên và hệ thống công viên, cây xanh, mặt nước:

+ Khu vực đồi núi bao quanh khu trung tâm thuộc phân khu đô thị lịch sử (*phường Quyết Thắng, Tô Hiệu, Chiềng Lè, Chiềng An và Quyết Tâm*), phân khu đô thị sinh thái Hua La (*phường Chiềng Cơi, xã Hua La*);

+ Hệ thống cây xanh, đường dạo, hành lang xanh dọc suối Nậm La, suối Chiềng Mung;

+ Khu vực lâm viên, đồi núi tại phường Chiềng Sinh, xã Chiềng Mung;

+ Khu vực hồ bản Mòng, hồ Tiên Phong, hồ Tuổi trẻ;

+ Khu vực sân golf tại phường Chiềng Sinh;

+ Khu vực Quảng trường Tây Bắc, Ao cá Bác Hồ; Công viên 26-10;

+ Công viên văn hóa Đôn Sơn tại phường Chiềng Cơi;

+ Công viên thành phố tại phường Chiềng Sinh, công viên Chiềng Ngần.

b) Về kiến trúc

- Trên các tuyến đường chính, liên khu vực, đường chính khu vực:

+ Sử dụng hình thức kiến trúc công trình phù hợp công năng sử dụng, hài hòa với không gian xung quanh; khuyến khích tạo không gian mở hoặc tạo khoảng lùi tầng trệt để làm không gian xanh, bố trí chỗ để xe và không gian cho người đi bộ. Công trình xây dựng tại góc đường phố phải đảm bảo tầm nhìn, an toàn, thuận lợi cho người tham gia giao thông.

+ Không gian kiến trúc cần có nguyên tắc thống nhất (về màu sắc, tầng cao, vật liệu...) để tạo nên tính đặc trưng và liên tục của dãy phố.

+ Sử dụng màu sắc, vật liệu hoàn thiện không ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân trong khu vực và ảnh hưởng đến lưu thông trên tuyến đường tiếp giáp. Khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng sẵn có tại địa phương và các vật liệu thân thiện môi trường.

+ Cải tạo chỉnh trang hệ thống vỉa hè, hạn chế bê tông hóa, kết hợp bổ sung các tiện ích đô thị như cây xanh đô thị, bồn hoa, ghế ngồi, thùng rác công cộng, bảng thông tin, nhà vệ sinh công cộng phục vụ cho người dân và du khách, trong đó đặc biệt là người già, trẻ em, người khuyết tật.

- Khu vực đô thị hiện hữu:

+ Khuyến khích cải tạo, chỉnh trang để gìn giữ phát huy các giá trị đô thị hiện hữu; nâng cấp, bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực này.

+ Tổ chức kiến trúc đô thị hài hòa về phong cách kiến trúc, chiều cao, khoảng lùi, chi tiết, màu sắc, chất liệu... của các công trình và nhà ở riêng lẻ trên các tuyến phố. Khuyến khích việc nhập các thửa đất nhỏ thành các lô đất lớn hơn và hợp khối các công trình kiến trúc có quy mô nhỏ để tổ chức bộ mặt kiến trúc chung của đô thị khang trang hơn.

+ Đối với nhà ở riêng lẻ cải tạo, xây mới khi xây dựng phải phù hợp quy hoạch, tuân thủ chỉ giới xây dựng, khoảng lùi, mật độ xây dựng; độ cao nền, chiều cao các tầng, chiều cao ban công, chiều cao và độ vươn của ô văng, của nhà xây trước đó đã được cấp phép để tạo sự hài hoà, thống nhất toàn tuyến phố.

+ Việc xây dựng mới, cải tạo sửa chữa công trình kiến trúc phải hài hòa với tổng thể chung, phải có tính tương đồng về hình khối, màu sắc, phân vị công trình với các công trình kế cận, trừ một số trường hợp tuân thủ theo thiết kế đô thị riêng hoặc đối với một số công trình đặc thù. Trong các khu hiện hữu, khi cấp phép xây dựng cần xem xét tạo khoảng lùi, hình thành các không gian cho hoạt động cộng đồng.

- Khu vực phát triển mới:

+ Các công trình được thiết kế văn minh, hiện đại, có kiến trúc hài hòa với môi trường cảnh quan thiên nhiên, thân thiện môi trường. Khuyến khích các công trình đa chức năng.

+ Tạo lập cảnh quan các khu vực cửa ngõ đô thị, trục đường chính đô thị, khu vực đô thị mới theo hướng kang trang, đồng bộ, hiện đại.

+ Xây dựng hệ thống các tượng đài, biểu tượng, vườn hoa, đài phun nước để hình thành các không gian công cộng, đặc trưng của từng khu đô thị mới.

- Khu giáp ranh nội ngoại thị:

+ Tạo sự chuyển tiếp hài hòa về chiều cao, hình thức kiến trúc công trình, tại các vị trí giáp ranh giữa nội và ngoại thị. Định hướng phát triển kiến trúc khu vực phù hợp với đặc trưng, tính chất phát triển đô thị của từng khu vực.

+ Khuyến khích khai thác các yếu tố và hình tượng văn hóa bản địa có đặc trưng trong thiết kế kiến trúc công trình.

- Khu vực bảo tồn di sản kiến trúc, lịch sử, cảnh quan cần rà soát, giữ nguyên các công trình kiến trúc đặc thù có giá trị.

- Khu vực dự trữ phát triển: Cần tuân thủ các quy định về xây dựng trong các khu vực này. Khuyến khích các dạng công trình tiền chế, lắp ghép, có khả năng di động.

- Khu vực công nghiệp: Khuyến khích các giải pháp kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, hình thức hiện đại, tối đa hóa mảng xanh, gắn kết tối đa với các điều kiện tự nhiên sẵn có, đảm bảo việc bảo vệ môi trường.

- Khu vực trung tâm, quảng trường: Các công trình kiến trúc phải nghiên cứu, đề xuất các giải pháp kiến trúc phù hợp, có khả năng đóng góp, nâng cao giá trị kiến trúc cảnh quan của đô thị.

5.3. Định hướng quản lý không gian, kiến trúc các phân khu đô thị

a) Phân khu đô thị lịch sử

- Phạm vi: Thuộc phạm vi các phường trung tâm hiện nay (*Chiềng Lè, Chiềng An, Tô Hiệu, Quyết Thắng, Quyết Tâm*) và một phần nhỏ phía Đông thuộc phường Chiềng Sinh và xã Chiềng Ngần.

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.674,01ha; dân số khoảng 70.500 người.

- Với đặc thù khu vực, kiến trúc trong khu đô thị lịch sử được xác định chủ yếu là thấp tầng (từ 3 - 5 tầng); một số công trình điểm nhấn (*trung tâm hành chính tập trung tỉnh, công trình thương mại dịch vụ, ...*) có chiều cao từ 5-12 tầng, mật độ xây dựng tuân thủ quy hoạch phân khu đã phê duyệt.

b) Phân khu đô thị Chiềng Sinh

- Phạm vi: Chủ yếu thuộc ranh giới phường Chiềng Sinh; một phần phường Quyết Tâm, phường Chiềng Cơi, xã Hua La, thành phố Sơn La và xã Chiềng Ban, Chiềng Mung huyện Mai Sơn.

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.944,66 ha; dân số khoảng 56.000 người.

- Tầng cao tối đa 12 tầng; mật độ xây dựng tuân thủ quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

c) Phân khu đô thị Chiềng Sinh - Nà Sản

- Phạm vi: Nằm tại phía Đông Nam thành phố Sơn La, trên địa giới hành chính hai huyện là thành phố Sơn La (*phường Chiềng Sinh*) và huyện Mai Sơn (*xã Chiềng Mung và xã Hát Lót*).

- Quy mô: Diện tích khoảng 2.128,42 ha; dân số khoảng 60.000 người.

- Tầng cao tối đa 10 tầng; mật độ xây dựng tuân thủ quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

d) Phân khu đô thị Chiềng Ngần

- Phạm vi: Chủ yếu thuộc phạm vi xã Chiềng Ngần, một phần phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La và khu vực nghiên cứu mở rộng dọc tuyến đường quy hoạch kết nối đường trục chính đô thị Chiềng Ngần và đường vào Khu công nghiệp Mai Sơn.

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.577,24 ha; dân số khoảng 33.500 người.

- Tầng cao tối đa 12 tầng; mật độ xây dựng tuân thủ quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

đ) Phân khu đô thị sinh thái Hua La

- Phạm vi: Thuộc phạm vi xã Hua La, phường Chiềng Cơi và một phần phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La.

- Quy mô: Diện tích khoảng 1.859,79 ha; dân số khoảng 26.100 người.

- Tầng cao tối đa 7 tầng; mật độ xây dựng tuân thủ quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

6. Yêu cầu về bản sắc văn hoá dân tộc trong kiến trúc

- Kế thừa, tiếp thu và phát huy các phong cách kiến trúc bản địa và xu hướng kiến trúc qua các thời kỳ để tạo nên những công trình kiến trúc, không gian kiến trúc đa dạng, hài hòa, thân thiện, phù hợp nếp sinh hoạt cộng đồng, cân bằng giữa công năng và giá trị thẩm mỹ.

- Các khu vực chức năng xây dựng với đặc trưng, hình thái không gian và bản sắc đô thị riêng, phù hợp với hiện trạng, đặc điểm hoạt động và chức năng hướng đến của từng khu vực.

- Khai thác các giá trị cảnh quan tự nhiên (đồi núi cao, khu vực xung quanh hồ, suối, vùng cảnh quan nông nghiệp, bản làng truyền thống) kết hợp với các yếu tố hạ tầng khung hiện có (các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường trục chính đô thị) và hệ thống cây xanh, mặt nước nhân tạo để tạo nên một khung liên kết giữa các khu chức năng trong đô thị thành phố Sơn La.

- Giữ gìn và tôn tạo không gian văn hoá truyền thống. Bảo vệ và phát huy sự đa dạng sinh thái, địa hình, cây xanh mặt nước trong đô thị. Đối với công trình kiến trúc xây mới, cải tạo sửa chữa đảm bảo kế thừa, tiếp thu và phát huy các phong cách kiến trúc bản địa (khuyến khích đưa các hình ảnh, biểu tượng truyền thống dân tộc vào công trình kiến trúc mới) và xu hướng kiến trúc qua các thời kỳ.

7. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù

- Tuân thủ nguyên tắc đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù. Quy định cụ thể cho từng khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù đảm bảo phù hợp các đồ án quy hoạch phân khu, đồ án thiết kế đô thị riêng (nếu có) hoặc đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 liên quan.

- Quy định quản lý đặc thù cho các khu vực quan trọng tại thành phố Sơn La nhằm bảo tồn cảnh quan, giữ gìn bản sắc kiến trúc và phát triển bền vững. Hạn chế tối đa can thiệp xây dựng, khuyến khích công trình hài hòa địa hình tự nhiên, ưu tiên các giải pháp sinh thái, thích ứng tự nhiên đối với khu vực đồi núi cảnh quan tự nhiên bao quanh khu trung tâm thuộc phân khu đô thị lịch sử (*phường Quyết Thắng, Tô Hiệu, Chiềng Lẻ, Chiềng An và Quyết Tâm*), phân khu đô thị sinh thái Hua La (*phường Chiềng Cơi, xã Hua La*). Khu vực dọc suối Nậm La và khu trung tâm đô thị lịch sử khi xây dựng, cải tạo phải tuân thủ các nguyên tắc giữ gìn bản sắc sinh thái, bảo vệ dòng chảy tự nhiên, tạo dựng không gian công cộng thân thiện và phát huy các giá trị cảnh quan đặc trưng. Khu vực hồ bản Mòng, hồ Tiền Phong, hồ Tuổi trẻ ưu tiên bảo vệ mặt nước và cảnh quan sinh thái, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm văn hóa dân tộc, thân thiện với môi trường. Khu vực di tích Quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, khu di tích Văn bia Quế Lâm Ngự Chế và đền vua Lê Thái Tông,...ưu tiên bảo tồn nguyên trạng, tôn trọng giá trị lịch sử - văn hóa - thẩm mỹ - cảnh quan tự nhiên, kết hợp khai thác phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch văn hóa. Các tuyến phố chính yêu cầu đồng bộ kiến trúc, ưu tiên hợp khối điểm nhấn, ngầm hóa hạ tầng. Khu vực quảng trường, công viên, trung tâm công cộng chú trọng tăng cường không gian xanh, kết nối giao thông xanh, hạn chế bê tông hóa. Xây dựng quanh đầu mối giao thông, cửa ngõ đô thị và nút giao ưu tiên mở rộng tầm nhìn, tổ chức kiến trúc hài hòa, thân thiện môi trường, góp phần tạo dựng hình ảnh đô thị thành phố Sơn La phát triển xanh, nhanh, bền vững.

8. Quy định quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị

- Đối với quy định quản lý công trình thuộc Danh mục kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt tuân thủ theo Điều 13 Luật Kiến trúc năm 2019; Điều 12, Điều 13, Phụ lục II của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ; đảm bảo phù hợp theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt và các quy định có liên quan.

- Đối với quy định quản lý các công trình đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về Di sản văn hóa và các quy định khác có liên quan.

9. Quy định đối với kiến trúc công trình hạ tầng kỹ thuật

Các công trình vỉa hè (hè phố), vật trang trí (đèn, ghế, rào hè...), phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, hệ thống cây xanh đường phố, bến bãi đường bộ, đường hàng không, đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật, thông tin, viễn thông cáp, thoát nước, vệ sinh môi trường, cấp điện, chiếu sáng, nghĩa trang, cung cấp năng lượng và các công trình khác đảm bảo phù hợp theo định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; phù hợp với chương trình, đề án phát triển đô thị của thành phố; đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, an toàn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; hài hòa với cảnh quan, bảo tồn di sản văn hóa và kiến trúc truyền thống, đảm bảo mỹ quan đô thị; tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn xây dựng hiện hành.

10. Các yêu cầu khác

Quy định một số nội dung như: Quảng cáo trên công trình kiến trúc đã và đang xây dựng; Hình thức kiến trúc cổng, hàng rào; Màu sắc, chất liệu và chi tiết bên ngoài công trình kiến trúc; Dự án, công trình nhà ở riêng lẻ chưa triển khai và đang triển khai xây dựng; Việc xử lý mặt ngoài các công trình kiến trúc hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy hoạch đô thị được duyệt và các quy định khác có liên quan./.

Phụ lục số 02**NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC
CÁC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA**
(Kèm theo Nghị quyết số 503/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)**1. Mục tiêu**

- Quản lý kiến trúc, cảnh quan khu vực nông thôn ngoại vi phù hợp với đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022, các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết nông thôn và các đồ án quy hoạch khác có liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang tại các điểm dân cư nông thôn theo định hướng phát triển kiến trúc, bảo vệ cảnh quan, bản sắc văn hoá trên phạm vi lập quy chế.

- Quy chế quản lý kiến trúc là cơ sở để có thể nhanh chóng xác lập nhiệm vụ quy hoạch đối với khu vực chưa có quy hoạch chi tiết được duyệt.

- Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng**2.1. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiến trúc và xây dựng công trình kiến trúc các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn các xã.

2.2. Phạm vi áp dụng

- Khu vực nông thôn ngoại vi và khu vực các xã sau sát nhập đơn vị hành chính cấp xã nằm trong ranh giới quy hoạch chung thành phố được duyệt.

- Đối với khu vực, dự án, công trình đã có quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng, thiết kế đô thị và phương án kiến trúc công trình đã được phê duyệt mà có quy định khác hoặc cụ thể hơn về kiến trúc so với Quy chế này thì được áp dụng theo các nội dung đã được phê duyệt, chấp thuận.

3. Nguyên tắc chung quản lý kiến trúc

- Thiết kế kiến trúc phải tuân thủ Luật Kiến trúc, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Sơn La; quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn; các quy định về bảo tồn, về môi trường và phòng chống cháy nổ, quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật, bản quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống; khuyến khích các mô hình kiến trúc kết hợp truyền thống – hiện đại như nhà ở kết hợp homestay, trung tâm cộng đồng kết hợp không gian văn hóa – du lịch, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút du lịch góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

- Quản lý, bảo vệ tốt cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, các công trình có giá trị về kiến trúc, văn hóa, môi trường sinh thái.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

4. Công trình phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc

Thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng nhằm chọn được phương án thiết kế tốt nhất, đáp ứng tối đa các yêu cầu về thẩm mỹ, quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, công năng sử dụng, thể hiện được ý nghĩa, tính chất của công trình xây dựng, đồng thời có tính khả thi cao. Các khu vực, vị trí hoặc công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc tại thành phố Sơn La, như sau:

- Công trình công cộng có quy mô cấp đặc biệt, cấp I; cầu trong đô thị từ cấp II trở lên;

- Công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử;

- Công trình quan trọng, điểm nhấn:

- + Công trình là điểm nhấn trong khu vực cửa ngõ;

- + Các công trình quan trọng khác.

5. Định hướng quản lý không gian, kiến trúc

5.1. Định hướng chung

- Việc xây dựng, cải tạo công trình trong khu vực nông thôn phải phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La, các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt, và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch – kiến trúc nông thôn.

- Dựa trên điều kiện thực tiễn của địa phương để có giải pháp tổ chức không gian ở điểm dân cư nông thôn hợp lý, hiệu quả, khả thi nhằm: nâng cao điều kiện sống, sinh kế; bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc, cấu trúc truyền thống. Khuyến khích bảo tồn, phục dựng kiến trúc nhà sàn truyền thống của các dân tộc bản địa, đặc biệt là dân tộc Thái và Mông. Hình thức kiến trúc cần phù hợp với điều kiện khí hậu, địa hình và phong tục tập quán địa phương; đồng thời hạn chế tối đa các yếu tố làm biến dạng, lai tạp bản sắc văn hóa.

- Tổ chức không gian các điểm dân cư nông thôn phát triển theo hướng nông thôn mới, điểm dân cư nông thôn xanh và bền vững. Bảo tồn hình thái không gian làng bản truyền thống, các yếu tố cấu thành không gian văn hóa như: Rừng ma, rừng thiêng, suối bản, sân lễ hội, nhà cộng đồng... trong quá trình quy hoạch và phát triển hạ tầng. Khuyến khích duy trì mô hình định cư tập trung có hạt nhân là nhà văn hóa bản, nhà sinh hoạt cộng đồng, trung tâm cụm dân cư.

- Ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống hoặc vật liệu hiện đại có hình thức phù hợp với kiến trúc địa phương như: mái ngói truyền thống, kết cấu gỗ, tường gạch không trát hoặc bê tông giả gỗ.

- Khuyến khích các mô hình kiến trúc kết hợp truyền thống – hiện đại như nhà ở kết hợp homestay, trung tâm cộng đồng kết hợp không gian văn hóa – du lịch. Các công trình này cần được thiết kế hài hòa, phù hợp với địa hình và cảnh quan tự nhiên, đảm bảo tính khả thi trong sử dụng và khai thác.

5.2. Định hướng cụ thể

a) Về không gian cảnh quan

- Các vị trí điểm nhấn về cảnh quan gồm: Khu trung tâm xã, sân thể thao, các nhà văn hóa và các không gian sinh hoạt tập trung cộng đồng; các tuyến đường trục chính trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn.

- Tầng cao tối đa 05 tầng; mật độ xây dựng tuân thủ quy hoạch nông thôn đã được phê duyệt.

b) Về kiến trúc

- Khuyến khích khôi phục lại các nhà sàn truyền thống theo đôi với các công trình trên các trục chính, các công trình văn hóa, nhà cộng đồng; đối với nhà ở khuyến khích khôi phục dưới hình thức homestay nhằm phát huy hiệu quả giá trị bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, hình thành một số sản phẩm du lịch, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút du lịch góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

- Khuyến khích áp dụng chi tiết kiến trúc mang giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc vào các không gian công cộng, không gian văn hóa thương mại dịch vụ (*công trình chợ, công trình thương mại, sân vận động, khu vực giao cắt giao thông chính,...*).

- Những công trình hiện hữu đã được xây dựng khi tiến hành xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa có thay đổi về kiến trúc mặt ngoài công trình, quy mô diện tích thì phải tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt (*nếu có*), quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và quy chế này.

6. Yêu cầu về bản sắc văn hoá dân tộc trong kiến trúc

- Kế thừa, tiếp thu và phát huy các phong cách kiến trúc bản địa và xu hướng kiến trúc qua các thời kỳ để tạo nên những công trình kiến trúc, không gian kiến trúc đa dạng, hài hòa, thân thiện, phù hợp nếp sinh hoạt cộng đồng, cân bằng giữa công năng và giá trị thẩm mỹ.

- Tổ chức quản lý, phát triển các điểm dân cư nông thôn trên cơ sở giữ gìn, khai thác các giá trị cảnh quan nông nghiệp, đồi núi tự nhiên, hướng đến mô hình không gian sinh thái, phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng.

- Giữ gìn và tôn tạo không gian văn hoá truyền thống; đối với công trình kiến trúc xây mới, cải tạo sửa chữa đảm bảo kế thừa, tiếp thu và phát huy các phong cách kiến trúc bản địa (*khuyến khích đưa các hình ảnh, biểu tượng truyền thống dân tộc vào công trình kiến trúc mới*).

7. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù

- Tuân thủ nguyên tắc đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù. Quy định cụ thể cho từng khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù đảm bảo phù hợp các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn (*nếu có*) hoặc đồ án quy hoạch khác liên quan.

- Quy định quản lý đặc thù cho các khu vực nông thôn, khu vực các xã thuộc phạm vi quy hoạch chung thành phố Sơn La nhằm bảo tồn cảnh quan, giữ gìn bản sắc kiến trúc và phát triển bền vững. Hạn chế tối đa can thiệp xây dựng, khuyến khích công trình hài hòa địa hình tự nhiên, ưu tiên các giải pháp sinh thái, thích ứng tự nhiên đối với khu vực cảnh quan nông nghiệp, đồi núi tự nhiên. Đối với các khu vực có làng bản có mật độ nhà sàn truyền thống cao như xã Chiềng Cọ, xã Chiềng Đen,...ưu tiên khuyến khích xây dựng công trình theo mẫu truyền thống, khai thác, phát triển du lịch văn hóa, cộng đồng; hạn chế tối đa việc cải tạo, xây dựng công trình mới theo phong cách hiện đại, kiểm soát vật liệu, màu sắc, chiều cao và hình khối công trình.

8. Quy định quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị

- Đối với quy định quản lý công trình thuộc Danh mục kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt tuân thủ theo Điều 13 Luật Kiến trúc năm 2019; Điều 12, Điều 13, Phụ lục II của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ; đảm bảo phù hợp theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt và các quy định có liên quan.

- Đối với quy định quản lý các công trình đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về Di sản văn hóa và các quy định khác có liên quan.

9. Quy định đối với kiến trúc công trình hạ tầng kỹ thuật

Các công trình vỉa hè (*hè phố*), vật trang trí (*đèn, ghế, rào hè...*), phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, hệ thống cây xanh đường phố, bến bãi đường bộ, đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật, thông tin, viễn thông cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, cấp điện, chiếu sáng, nghĩa trang, cung cấp năng lượng và các công trình khác đảm bảo phù hợp theo định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan theo quy hoạch xây dựng nông thôn đã được phê duyệt; đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, an toàn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; hài hòa với cảnh quan, bảo tồn di sản văn hóa và kiến trúc truyền thống; tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn xây dựng hiện hành.

10. Các yêu cầu khác

Quy định một số nội dung như: Quảng cáo trên công trình kiến trúc đã và đang xây dựng; Hình thức kiến trúc cổng, hàng rào; Màu sắc, chất liệu và chi tiết bên ngoài công trình kiến trúc; Dự án, công trình nhà ở riêng lẻ chưa triển khai và đang triển khai xây dựng; Việc xử lý mặt ngoài các công trình kiến trúc hiện hữu đảm bảo phù hợp theo quy hoạch xây dựng được duyệt và các quy định khác có liên quan.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 504/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La (các nội dung chủ yếu của Quy chế kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 05 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY CHẾ QUẢN LÝ
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ HÁT LÓT, TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 504/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu

- Quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị trên phạm vi khu vực của đô thị Hát Lót, phù hợp với đồ án Quy hoạch chung đô thị Hát Lót đến năm 2035 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La.

- Cụ thể hóa các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng để quản lý kiến trúc đô thị phù hợp với điều kiện thực tế của đô thị Hát Lót.

- Làm căn cứ để lập quy hoạch, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, cấp phép xây dựng, xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc đô thị.

- Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

2.1. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiến trúc và xây dựng công trình kiến trúc tại đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La.

2.2. Phạm vi áp dụng

- Trong phạm vi, ranh giới khu vực đô thị Hát Lót xác định theo Quy hoạch chung đô thị Hát Lót đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đối với khu vực, dự án, công trình đã có quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng, thiết kế đô thị và phương án kiến trúc công trình đã được phê duyệt mà có quy định khác hoặc cụ thể hơn về kiến trúc so với Quy chế này thì được áp dụng theo các nội dung đã được phê duyệt, chấp thuận.

3. Nguyên tắc chung quản lý kiến trúc trong đô thị

- Thiết kế kiến trúc phải tuân thủ Luật Kiến trúc, phù hợp với quy hoạch chung, các quy định về bảo tồn, môi trường, phòng chống cháy nổ, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Phù hợp với định hướng quy hoạch đô thị Hát Lót, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới; xây dựng nền kiến trúc tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý kiến trúc phù hợp với thực tiễn tại đô thị Hát Lót bảo đảm hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Việc xây dựng công trình phải được quản lý chặt chẽ, đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan, bảo đảm chức năng hoạt động hiệu quả, mỹ quan, an toàn, hài hòa với tổng thể đô thị.

- Thiết kế kiến trúc cần đảm bảo giá trị kiến trúc của công trình.

- Quản lý, bảo vệ tốt cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, các công trình có giá trị về kiến trúc, văn hóa, môi trường sinh thái.

- Không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị Hát Lót được phát triển theo nguyên tắc “*bảo vệ tầm nhìn*” và đảm bảo “*tính liên tục*” của cảnh quan trong đô thị. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan dựa trên việc thiết lập và kết nối ba cấp độ, từ không gian tổng thể, không gian khu vực đến những không gian nhỏ, tạo thành hệ thống không gian đô thị có bản sắc.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

4. Công trình phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc

Thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng nhằm chọn được phương án thiết kế tốt nhất, đáp ứng tối đa các yêu cầu về thẩm mỹ, quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, công năng sử dụng, thể hiện được ý nghĩa, tính chất của công trình xây dựng, đồng thời có tính khả thi cao. Các khu vực, vị trí hoặc công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc tại đô thị Hát Lót, như sau:

- Công trình công cộng có quy mô cấp đặc biệt, cấp I; Cầu trong đô thị từ cấp II trở lên;

- Công trình tượng đài, công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của đô thị;

- Công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị:

+ Công trình là điểm nhấn trong khu vực cửa ngõ đô thị;

+ Công trình được xây dựng tại vị trí có ảnh hưởng trực tiếp đến diện mạo cảnh quan kiến trúc đô thị Hát Lót;

+ Các công trình quan trọng khác.

5. Định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan

5.1. Định hướng chung

- Kiến trúc các công trình cần tuân thủ định hướng phát triển không gian đô thị trong Quy hoạch chung đô thị Hát Lót, có sự đầu tư tương xứng về thiết kế và xây dựng, để trở thành các tài sản đô thị có giá trị lâu dài. Xây dựng kiến trúc đô thị hiện đại, năng động kết hợp với việc gìn giữ, kế thừa các công trình kiến trúc lịch sử, lưu giữ được dấu ấn các giai đoạn hình thành và phát triển của đô thị.

- Không gian đô thị được tạo dựng dựa trên địa hình, cảnh quan tự nhiên là chủ thể, hạn chế san lấp, lấy môi trường tự nhiên làm trung tâm, tôn trọng hệ sinh thái và sinh học.

- Ưu tiên tạo lập cảnh quan phục vụ công cộng, đảm bảo kang trang, đồng bộ, hiện đại và thân thiện với môi trường.

- Khuyến khích quy hoạch và trồng cây xanh tán lớn, thảm cỏ, kết hợp tổ chức các quảng trường, vườn hoa, đài phun nước, tượng đài, phù điêu, tiểu cảnh nhỏ trong các khu vực trung tâm công cộng, công trình hỗn hợp.

- Xây dựng các không gian mở, không gian sinh hoạt cộng đồng có giá trị về mặt thẩm mỹ và công năng, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

5.2. Định hướng cụ thể

a) Về không gian cảnh quan đô thị

+ Trung tâm hành chính cấp huyện lấy cụm công trình Huyện ủy - HĐND tại khu vực Tiểu khu 1, đô thị Hát Lót là trung tâm làm tiền đề trở thành trung tâm đô thị Hát Lót trong tương lai.

+ Trục đường Quốc Lộ 6 là trục không gian chính quan trọng của đô thị Hát Lót và được đặt tên là đường Tô Hiệu và đường 20 - 8 (27m) từ nhà máy mía đường Sơn La đến cầu Hát Lót.

+ Quảng trường trung tâm huyện Mai Sơn là hệ thống vườn hoa, đài nước trước khối cơ quan hành chính - chính trị, khu trung tâm văn hoá huyện đối diện với trung tâm hành chính qua Quốc lộ 6, bao gồm nhà văn hóa trung tâm, thư viện.

b) Về kiến trúc

+ Không gian kiến trúc tuân thủ theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng và thiết kế đô thị được duyệt; Các công trình xây dựng hai bên tuyến đường bao gồm nhà ở, công trình dịch vụ thương mại, công trình công cộng, công viên cây xanh,... phải đáp ứng các chỉ tiêu quy hoạch như cao độ, san nền, chiều cao công trình, tầng cao công trình, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi công trình, mật độ xây dựng, mục đích sử dụng đất,... các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

+ Hình thức kiến trúc khuyến khích xây dựng kiến trúc hiện đại kết hợp dân tộc phù hợp với tính chất, công năng phục vụ của công trình, mặt đứng chính hướng về trục đường chính tiếp giáp.

+ Về màu sắc, vật liệu xây dựng công trình: sử dụng màu sắc đa dạng hài hoà, không phản cảm, không gây tác hại đến sức khỏe con người, khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng tại địa phương, vật liệu thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn quy định hiện hành, đảm bảo công trình xây dựng mỹ quan, an toàn và bền vững trong quá trình sử dụng.

- Khu vực đô thị hiện hữu:

+ Tổ chức kiến trúc đô thị hài hòa về phong cách kiến trúc, chiều cao, khoảng lùi, chi tiết, màu sắc, chất liệu... Khuyến khích việc nhập các thửa đất nhỏ thành các lô đất lớn hơn và hợp khối các công trình kiến trúc có quy mô nhỏ để tạo lập cảnh quan kang trang cho đô thị.

+ Nhà ở riêng lẻ khi xây dựng phải phù hợp với quy hoạch, tuân thủ chỉ giới xây dựng, khoảng lùi, mật độ xây dựng, độ cao nền, chiều cao các tầng, chiều cao ban công, chiều cao và độ vươn của ô văng để tạo sự hài hoà, thống nhất trên toàn tuyến phố.

+ Việc xây dựng mới, cải tạo sửa chữa công trình kiến trúc phải hài hòa với tổng thể chung, phải có tính tương đồng về hình khối, màu sắc, phân vị công trình với các công trình kế cận, trừ một số trường hợp tuân thủ theo thiết kế đô thị riêng hoặc đối với một số công trình đặc thù. Trong các khu hiện hữu, khi cấp phép xây dựng cần xem xét tạo khoảng lùi, hình thành các không gian cho hoạt động cộng đồng.

- Khu vực phát triển mới:

+ Các công trình được thiết kế văn minh, hiện đại, có kiến trúc hài hòa với môi trường cảnh quan thiên nhiên, thân thiện với môi trường. Khuyến khích các công trình kiến trúc đa chức năng.

+ Tạo lập cảnh quan các khu vực cửa ngõ đô thị, trục đường chính đô thị, khu vực đô thị mới theo hướng kang trang, đồng bộ, hiện đại.

+ Xây dựng hệ thống các tượng đài, biểu tượng, vườn hoa, đài phun nước để hình thành các không gian công cộng, đặc trưng của từng khu đô thị mới.

- Khu giáp ranh nội ngoại thị:

+ Tạo sự chuyển tiếp hài hòa về chiều cao, hình thức kiến trúc công trình, tại các vị trí giáp ranh giữa nội và ngoại thị.

+ Khuyến khích khai thác các yếu tố và hình tượng văn hóa bản địa có đặc trưng trong thiết kế kiến trúc công trình.

+ Duy trì hình thức kiến trúc nhà ở nông thôn truyền thống với mái dốc kết hợp với nhà ở nông thôn xây dựng mới hiện đại nhưng vẫn hài hòa với kiến trúc hiện hữu.

- Khu vực bảo tồn di sản kiến trúc, lịch sử, cảnh quan cần rà soát, giữ nguyên các công trình kiến trúc đặc thù có giá trị.

- Khu vực nông nghiệp: Tuân thủ các quy định về xây dựng, khuyến khích các dạng công trình tiên chế, lắp ghép, có khả năng di động.

- Khu vực công nghiệp: Khuyến khích các giải pháp kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng, hình thức hiện đại, tối đa hóa mảng xanh, gắn kết với các điều kiện tự nhiên sẵn có, đảm bảo việc bảo vệ môi trường.

- Khu vực trung tâm, quảng trường: Các công trình kiến trúc phải nghiên cứu, đề xuất các giải pháp kiến trúc phù hợp, có khả năng đóng góp, nâng cao giá trị kiến trúc cảnh quan của đô thị.

6. Yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc

- Các công trình kiến trúc trên địa bàn đô thị Hát Lót được kế thừa, tiếp thu và phát huy các phong cách kiến trúc bản địa và xu hướng kiến trúc qua các thời kỳ phát triển đô thị; tạo nên những công trình kiến trúc, không gian kiến trúc đa dạng, hài hòa, thân thiện, phù hợp nếp sinh hoạt cộng đồng.

- Đảm bảo duy trì và phục dựng không gian kiến trúc nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc đã được xác định.

- Phát huy hiệu quả giá trị bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, hình thành một số sản phẩm du lịch, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút du lịch góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

- Khuyến khích áp dụng chi tiết kiến trúc mang giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc vào các không gian công cộng, không gian văn hóa thương mại dịch vụ (công trình chợ, công trình thương mại, sân vận động, khu vực giao cắt giao thông chính).

- Hình thức kiến trúc phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không gây phản cảm. Khuyến khích đưa các hình ảnh, biểu tượng truyền thống mang tính đại diện, đặc sắc, tiêu biểu thành phố vào công trình kiến trúc mới.

7. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù

Tuân thủ nguyên tắc đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù. Các hình thái không gian kiến trúc đô thị với đặc điểm nổi bật, có giá trị về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, phản ánh quá trình lịch sử phát triển kinh tế - xã hội, kiến trúc góp phần tạo nên bản sắc riêng cho đô thị có yêu cầu quản lý đặc thù có ranh giới và vị trí được xác định ở điều 4 Quy chế này.

8. Quản lý bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị

- Đối với quy định quản lý công trình thuộc Danh mục kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt tuân thủ theo Điều 13 Luật Kiến trúc năm 2019; Điều 12 và Điều

13 Phụ lục II Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ, đảm bảo phù hợp theo các đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt và các quy định có liên quan.

- Đối với quy định quản lý các công trình đã được xếp hạng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Di sản văn hóa và các quy định khác có liên quan.

9. Quy định đối với kiến trúc công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị

Các công trình vỉa hè (hè phố), vật trang trí (đèn, ghế, rào hè...), phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, hệ thống cây xanh đường phố, bến bãi đường bộ, đường thủy, đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật, thông tin, viễn thông cáp, thoát nước, vệ sinh đô thị, cấp điện, chiếu sáng, nghĩa trang, cung cấp năng lượng và các công trình khác đảm bảo phù hợp theo định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, an toàn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; hài hòa với cảnh quan, bảo tồn di sản văn hóa và kiến trúc truyền thống, đảm bảo mỹ quan đô thị; tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn xây dựng hiện hành.

10. Các yêu cầu khác

a) Đối với quảng cáo trên công trình kiến trúc

Quảng cáo trên công trình kiến trúc phải phù hợp với quy hoạch đô thị và không ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường. Không che khuất công trình di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc ảnh hưởng đến kiến trúc đặc trưng. Đảm bảo an toàn kết cấu, không gây nguy hiểm cho người đi đường hoặc ảnh hưởng đến hệ thống giao thông. Nội dung quảng cáo không được vi phạm thuần phong mỹ tục, không gây hiểu nhầm hoặc trái với quy định pháp luật.

b) Màu sắc, chất liệu và chi tiết bên ngoài công trình kiến trúc

- Các công trình phải có sự thống nhất về màu sắc, hài hòa với cảnh quan, kiến trúc khu vực và các công trình lân cận, phù hợp phong cách kiến trúc của công trình. Ngoại trừ các trường hợp đặc biệt, màu sơn bên ngoài công trình cần nhẹ nhàng, trung tính, không sử dụng các màu phản quang.

- Vật liệu xây dựng của công trình phải phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với phong cách kiến trúc và hài hòa với kiến trúc và cảnh quan của khu vực; không sử dụng vật liệu có phản xạ gương mặt ngoài công trình.

- Hạn chế sử dụng các chi tiết kiến trúc rườm rà trên các công trình kiến trúc.

c) Một số nội dung khác như

Cổng, tường rào; dự án, công trình chưa triển khai và đang triển khai xây dựng; xử lý mặt ngoài các công trình kiến trúc hiện hữu; yêu cầu góp phần tăng cường mỹ quan đô thị đảm bảo phù hợp theo quy hoạch đô thị được duyệt và các quy định khác có liên quan.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 505/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thông tin khác
của các dự án đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích
sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Xét Tờ trình số 236/Tr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 270/BC-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thông tin khác đối với 02 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất (có 01 biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thái Hưng**

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, THỜI GIAN, THÔNG TIN KHÁC CỦA DỰ ÁN CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT (Kèm theo Nghị quyết số 505/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua (m2)				Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất (m2)				Điều chỉnh thông tin khác	Chú trọng đầu tư		Nguyên nhân, lý do điều chỉnh, bổ sung			
			Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua	Diện tích cho phép chuyển MBSD đất	Trong đó				Diện tích cho phép chuyển MBSD đất	Trong đó					Văn bản ghi vắn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn	
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất rừng SX		Đất trồng lúa					Đất rừng PH
					Đất chuyển trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	Khu tái định cư phục vụ tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu	Xã Chiềng Khoa, Mường Mên, Chiềng Yên	151/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	40.000	10.000		30.000		73.439	16.000	22.887	34.552	299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024; 372/NQ-NQ/HĐND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh;	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	Điều chỉnh loại đất thu hồi thực hiện dự án sau khi rà soát		
2	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 bán Lóng Khua, xã Song Khua huyện Văn Hồ	Xã Song Khua	471/NQ-HĐND ngày 21/3/2025	21.072			21.072		27.029		27.029		182/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	Nguồn phòng NSTW hỗ trợ	Điều chỉnh, bổ sung diện tích dự án theo ý kiến thẩm định của các sở, ngành yêu cầu điều chỉnh lại hướng tuyến đường vào khu tái định cư đảm bảo độ dốc theo quy định		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 506/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án Nhà nước
thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Xét Tờ trình số 252/Tr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục 08 công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (có 01 biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC
THU HỒI ĐẤT THEO ĐIỀU 79 LUẬT ĐẤT ĐAI 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 506/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)							Phân loại theo Điều 79 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện	
			Tổng diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng sản xuất			Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, ĐD, SX)	
				Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng lúa từ 02 vụ trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
	Thành phố Sơn La											Nguồn vốn
1	Dự án trường mầm non Lò Văn Giã, thành phố Sơn La (mở rộng theo QH)	Phường Chiềng An	1.050,00	1.050,00						Khoản 16	250/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND thành phố Sơn La	Ngân sách thành phố
	Huyện Yên Châu											
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	Huyện Yên Châu	293.946,00	222.279,10		9.700,00		112.900,00		Khoản 1	319/NQ-NQ ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh	Nguồn vốn bổ sung Ngân sách tỉnh
	Huyện Bắc Yên											
3	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	Xã Hua Nhàn, xã Tạ Khoa	355.560,70	1.970,20	786,50	13.500,00		22.865,00		Khoản 1	319/NQ-NQ ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh	Nguồn vốn bổ sung Ngân sách tỉnh
	Huyện Thuận Châu											
4	Nhà văn hóa bản Ái Kiêm xã Mường É	Xã Mường É	786,00				786,00			Khoản 14	09/NQ-HĐND ngày 27/3/2025; 1685/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	Chương trình MTQG
5	Đường nội thị dọc kè suối Muội hệ thống thoát lũ và các hạng mục phụ trợ, thị trấn Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	29.500,00	24.000,00						Khoản 1	1112/QĐ-UBND ngày 14/05/2025 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh

[illegible]

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 507/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện của các dự án
đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Xét Tờ trình số 237/Tr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 270/BC-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, thời gian thực hiện đối với 05 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất (có 01 biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích đã được UBND tỉnh thông qua (m ²)										Diện tích, loại đất sau điều chỉnh, bổ sung (m ²)						Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án	Văn bản kế hoạch vốn thực hiện; VB điều chỉnh, bổ sung		Nguyên nhân, lý do điều chỉnh, bổ sung
			Nghị quyết UBND tỉnh thông qua	Diện tích đất thu hồi	Trong đó				Diện tích thu hồi	Trong đó				Điền chỉnh thời gian thực hiện dự án	Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương; VB cho phép điều chỉnh	Nguồn vốn						
					Đất trồng lúa		Đất rừng PH			Đất rừng SX		Đất khác còn lại										
					Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Đất chưa có rừng									
4	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Văn Hồ thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Khoa, Mường Mên, Chiềng Yên	472 NQ-UBND ngày 21/3/2025	121.694,6	16.000,0	1.100,0	21.786,8	48.245,6	34.552,2	48.245,6	121.694,6	16.000,0	22.886,8	34.552,2	48.245,6	299 NQ-UBND ngày 10/3/2024; 372 NQ-UBND ngày 29/8/2024 của HĐND tỉnh;	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	Điều chỉnh loại đất thu hồi thực hiện dự án sau khi rà soát				
5	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 bán Long Khưa, xã Song Khưa huyện Văn Hồ	Xã Song Khưa	471 NQ-UBND ngày 21/3/2025	24.995,0			21.072,0	3.923,0	30.952,0				27.029,0		3.923,0	182 QĐ-UBND ngày 22/01/2025	Nguồn dự phòng NSTW 2024 hỗ trợ	Điều chỉnh, bổ sung diện tích dự án theo ý kiến thẩm định của các sở, ngành yêu cầu điều chỉnh lại hướng tuyến đường vào khu tái định cư đảm bảo độ dốc theo quy định				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 508/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Xét Tờ trình số 253/Tr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025, Báo cáo số 270/BC-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1110/BC-KTNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện 10 dự án, diện tích 605.020,2m².

2. Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư, diện tích 2.000m².

(có 02 Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ 31 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
DANH MỤC DỰ ÁN CÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG
ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 508/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng sản xuất		Loại đất sau khi chuyển	Nguồn vốn thực hiện	
				Đất chuyển từ trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
	Tổng		605.020,20	38.056,70	44.132,90	45.600,00	188.479,60	277.165,00	11.586,00			
	Thành phố Sơn La											
1	Dự án Trường mầm non Lò Văn Giã, thành phố Sơn La (mở rộng theo QH)	Phường Chiềng An	1.050,0	1.050,0						Đất giao dịch đào tạo	250/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND thành phố Sơn La	Ngân sách thành phố
	Huyện Yên Châu											
2	Dự án khai thác đất làm gạch, ngói tại bản Bạt TT Yên Châu (địa điểm theo Nghị quyết số 1280/NQ-UBTVQH15 ngày 14/11/2024)	TT Yên Châu	2.039,6		2.039,6					Đất khoáng sản	1975/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của UBND tỉnh	Vốn nhà đầu tư
3	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	Huyện Yên Châu	144.879,1		22.279,1	9.700,0		112.900,0		Đất giao thông	319/NQ-NQ ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh	Nguồn vốn bổ sung Ngân sách tỉnh
	Huyện Bắc Yên											
4	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	Xã Hua Nhàn, xã Tạ Khoa	39.121,7	1.970,2	786,5	13.500,0		22.865,0		Đất giao thông	319/NQ-NQ ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh	Nguồn vốn bổ sung Ngân sách tỉnh
	Huyện Sông Mã											
5	Công trình: ĐTSL-2024	Xã Chiềng Khương	6.496,2	648,1	1.003,1		2.112,0		2.733,0	Đất quốc phòng	215/QĐ-BQP ngày 16/01/2024 của Bộ trưởng	NSNN chi cho QP

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng sản xuất		Loại đất sau khi CMBSD	Nguồn vốn thực hiện	
				Đất chuyển trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng		Văn bản gửi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
											Bộ Quốc phòng	
	Huyện Thuận Châu											
6	Nhà văn hóa bán Ái Khóm xã Mường É	Xã Mường É	786,0							Đất văn hóa	09/NQ-HĐND ngày 27/3/2025; 1685/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	Chương trình MTQG
7	Đường nội thị dọc kè suối Muội hệ thống thoát lũ và các hạng mục phụ trợ, thị trấn Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	24.000,0	24.000,0						Đất giao thông	1112/QĐ-UBND ngày 14/05/2025 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh
8	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng cơn bão số 3 tại bản Quây, xã Chiềng Ngăm	Xã Chiềng Ngăm	1.500,0					1.500,0		Khu dân cư	182/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	Nguồn dự phòng NS Trung ương năm 2024
	Huyện Văn Hồ											
9	Dự án Đầu tư khai thác than tại điểm mỏ than Suối Bàng II	Xã Suối Bàng	191.847,6	10.388,4	16.124,6				7.353,0	Đất khoáng sản	1576/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND huyện Văn Hồ; 3099/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh	Nguồn vốn nhà đầu tư
10	Cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu (đoạn Km 19 + 00 – Km 53 + 00 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình) đoạn tuyến từ Km 50 + 900 – Km 53 + 000 thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Yên, huyện Văn Hồ	193.300,0		1.900,0	22.400,0	27.600,0	141.400,0		Đất giao thông	332/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Hòa Bình; 3079/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Hòa Bình; 474/NQ-HĐND ngày 21/3/2025 của HĐND tỉnh Sơn La	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh

Biểu số 02

CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA THEO NHU CẦU
SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG KHU DÂN CƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 508/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Địa điểm, vị trí cho phép chuyển mục đích	Diện tích chuyển mục đích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)		Đất rừng phòng hộ	Loại đất sau khi CMDSD	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Đất chuyển trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại				
	Tổng	2.000	2.000	-				
1	Tiểu khu Bản Pán, Nà Lính, thị trấn Thuận Châu	750	750			Đất ở đô thị	Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND tỉnh Sơn La;	Vị trí đề xuất trình cho phép chuyển mục đích sử dụng trồng lúa sang đất ở đảm bảo phù hợp với các quy hoạch: QHSD đất đến 2030; QH chung TT Thuận Châu; QH chung nông thôn mới xã Thôm Mòn đến năm 2035) bảo đảm theo khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai 2024
2	Hợp Nhất 2, Hợp nhất 1 xã Thôm Mòn	1.250	1.250			Đất ở nông thôn	Quyết định số 6302/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Thuận Châu	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com